

YẾU TỐ THẦM LẶNG TRONG CÁC LỚP HỌC NÓI TIẾNG ANH (Khảo sát tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

LÊ THI THU HƯƠNG¹
DƯƠNG THỊ KIM HUỆ²

Abstract: This study investigates students' silence in English for Occupational Purposes (EOP) speaking classes at Hanoi University of Industry (HaUI). While traditional participation emphasizes verbal engagement, this study redefines participation to include silent cognitive processes. Using a mixed-method approach, data were collected from 150 EOP students through surveys, classroom observations, and focus group discussions. Findings reveal that students often remain silent due to language anxiety, lack of confidence, and fear of negative feedback. However, silence also serves as a tool for reflection, mental rehearsal, and deeper comprehension. Quantitative results highlight key factors influencing silence, while qualitative insights suggest that structured support and positive reinforcement can encourage verbal participation. This study contributes to the understanding of silent engagement in EOP speaking classes and proposes pedagogical strategies to foster more inclusive participation. The findings offer practical implications for educators in EFL and EOP contexts.

Keywords: *silence, EOP, student engagement, speaking, language anxiety*

1. Đặt vấn đề

Giao tiếp hiệu quả là kỹ năng rất cần thiết cho sự thành công trong nghề nghiệp, cũng vì thế mà các khoá học nói tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) ngày càng trở nên quan trọng trong các cơ sở giáo dục đại học. Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN), chương trình tiếng Anh theo ĐHNN đã trở thành một phần không thể thiếu trong chương trình giảng dạy từ năm 2015. Chương trình này nhằm trang bị cho sinh viên khả năng ngôn ngữ cần thiết cho các lĩnh vực của họ. Để phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại, Trường ĐHCNHN đã triển khai mô hình lớp học đảo ngược đối với lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN nhằm nâng cao việc học tương tác và ứng dụng thực tiễn trong nghề nghiệp.

Mặc dù đã nỗ lực nhưng vẫn tồn tại một thách thức đáng lưu ý: sự im lặng của sinh viên trong các hoạt động nói. Trước đây, sự tham gia trong lớp học thường được đồng nhất với đóng góp bằng lời nói, bỏ qua sự phức tạp trong tương tác của sinh viên. Các nghiên cứu gần đây đã bắt đầu tái định nghĩa sự im lặng, gợi ý rằng nó có thể đóng vai trò như một yếu tố hỗ trợ trong việc học ngôn ngữ thay vì chỉ đơn thuần là thiếu sự tham gia. Hu [7] và Zafarina [15] cho rằng sự im lặng có thể mang lại cho sinh viên cơ hội để suy ngẫm và nhận thức sâu hơn, từ đó đóng góp tích cực vào kết quả học tập của sinh viên.

Hiểu được bản chất đa diện về sự im lặng của sinh viên là rất quan trọng, đặc biệt trong các bối cảnh giảng dạy tiếng Anh theo ĐHNN, nơi kỹ năng giao tiếp thực tiễn là rất cần thiết. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự im lặng bao gồm lo lắng về ngôn ngữ, vấn đề tự tin, đến các chuẩn mực văn hoá và động lực trong lớp học. Maher & King [11]; Perkasa, Savitri và Yogyantoro [13] xác định rằng cả các yếu tố bối cảnh gồm không khí lớp học và tương tác giữa các sinh viên cũng như các yếu tố cá nhân gồm đặc điểm tính cách và nhận thức về trình độ ngôn ngữ, đều ảnh hưởng đáng kể đến sự tham gia của sinh viên.

Ngoài ra, mô hình lớp học đảo ngược nhấn mạnh việc chuẩn bị trước khi lên lớp và việc vận dụng trong lớp. Khác với các phương pháp giảng dạy truyền thống, mô hình này mang đến động lực ảnh hưởng đến sự tham gia của sinh viên. Trong khi mô hình lớp học đảo ngược khuyến khích việc học chủ động, nó cũng yêu cầu sinh viên thích nghi với các vai trò và trách nhiệm mới, có thể ảnh hưởng đến mức độ thoải mái của họ trong các hoạt động nói trên lớp.

^{1,2} Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nghiên cứu này nhằm khám phá hiện tượng im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN tại Trường ĐHCNHN bằng cách định nghĩa lại sự tham gia bao gồm cả hình thức tham gia bằng lời nói và không bằng lời nói, xác định các nguyên nhân tiềm ẩn của sự im lặng và đề xuất các chiến lược để thúc đẩy một môi trường học tập toàn diện, hỗ trợ hơn. Nghiên cứu được thực hiện nhằm trả lời các câu hỏi sau:

(1) Những yếu tố nào góp phần vào sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN?

(2) Sinh viên cảm nhận như thế nào về việc tham gia vào các hoạt động nói?

(3) Những chiến lược nào có thể được thực hiện để khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các quan điểm về sự tham gia của người học

2.1.1. Quan điểm truyền thống và hiện đại về sự tham gia

Theo quan điểm truyền thống, sự tham gia của người học thường được đồng nhất với những đóng góp bằng lời nói rõ ràng trong các cuộc thảo luận trên lớp. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây đã mở rộng định nghĩa này để bao gồm các hình thức tham gia phi ngôn ngữ, chẳng hạn như lắng nghe chăm chú và tự xử lý thông tin. Huỳnh và cộng sự [8] cho rằng “sự im lặng thường được hiểu là dấu hiệu của sự không tham gia trong văn hoá coi trọng lời nói”, nhấn mạnh sự cần thiết phải định nghĩa lại sự tham gia trong các bối cảnh giáo dục.

2.1.2. Tham gia trầm lặng

Sự tham gia trầm lặng, được đặc trưng bởi sự tham gia nhận thức mà không cần biểu đạt bằng lời, đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập. Maher và King [11] cho thấy rằng sự im lặng có thể vừa là cơ chế đối phó vừa là không gian cho hoạt động nhận thức nội tâm khi đưa ra lưu ý rằng: “những người học lo lắng thường bị ức chế trong việc nói bằng ngôn ngữ mục tiêu và có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ của họ để tránh sử dụng ngôn ngữ thứ hai, đưa ra những phản hồi ngắn hoặc hiếm khi chủ động cuộc trò chuyện”.

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng trong các lớp học nói tiếng Anh

2.2.1. Lo lắng về ngôn ngữ và sợ mắc lỗi

Trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN, sinh viên thường trải qua lo lắng về ngôn ngữ, sợ rằng những lỗi sai có thể dẫn đến những đánh giá tiêu cực từ bạn bè và giáo viên. Sự lo lắng này có thể khiến sinh viên ngại tham gia bằng lời nói, cản trở sự phát triển ngôn ngữ và sự tự tin. Như Perkasa et al. [13] giải thích, “những người học lo lắng có thể bị ảnh hưởng bởi sự im lặng của bạn bè, cảm thấy không chắc chắn về ý nghĩa của sự im lặng của các bạn cùng lớp và tự gán nó một cách tiêu cực vào khả năng của bản thân”.

2.2.2. Ảnh hưởng của văn hoá và giáo dục đến hành vi trong lớp học

Nền tảng văn hoá và giáo dục trước đây có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi của sinh viên trong lớp học. Ở một số nền văn hoá, sinh viên được dạy tôn trọng quyền lực bằng cách giữ im lặng, điều này có thể bị hiểu nhầm là không tham gia trong các lớp học có tính tương tác cao [6]. Việc hiểu những khác biệt văn hoá này rất quan trọng để giáo viên tạo ra môi trường học tập toàn diện, khuyến khích mọi hình thức tham gia. Nurrohmah và Waloyo [12] nhấn mạnh rằng “sự im lặng thường được hiểu là dấu hiệu của việc không tham gia”. Điều đó, cho thấy giáo viên nên xem xét lại nhận thức của họ về hành vi im lặng.

2.2.3. Tác động của việc tự học trực tuyến đến các tương tác trực tiếp

Việc tích hợp các thành phần tự học trực tuyến trong các lớp học tiếng Anh theo ĐHNN đã biến đổi động lực học tập trong lớp học truyền thống. Trong khi việc chuẩn bị trực tuyến có thể nâng cao sự hiểu

biết, nó cũng có thể dẫn đến việc giảm thiểu các tương tác trực tiếp nếu không được tích hợp hiệu quả. Việc tìm kiếm sự cân bằng giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp là rất quan trọng để duy trì sự tham gia và gắn kết tích cực trong các buổi học. Gangavarapu, Mutyala và Chada [4] nhấn mạnh rằng “lớp học là một môi trường xã hội nơi sinh viên tương tác và thể hiện trước bạn bè của họ”. Điều này làm nổi bật sự cần thiết phải xem xét cẩn thận những động lực xã hội này khi chuyển sang tự học trực tuyến.

2.3. Mô hình lớp học đảo ngược trong việc học tiếng Anh

2.3.1. Lợi ích và hạn chế của lớp học đảo ngược đối với kỹ năng nói

Mô hình lớp học đảo ngược đã được chứng minh là nâng cao sự tham gia và cải thiện kết quả học tập của sinh viên. Ở lớp học đảo ngược, nội dung bài học được sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp và thời gian trên lớp được dành cho các hoạt động tương tác. Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh theo ĐHNN, phương pháp này cho phép sinh viên thực hành kỹ năng nói một cách chủ động trong lớp. Tuy nhiên, những thách thức như mức độ chuẩn bị khác nhau của sinh viên và khả năng tiếp cận công nghệ có thể hạn chế hiệu quả của nó. Kandilla, Dewi và Pujasari [9] cho rằng “sinh viên thường im lặng để có thêm thời gian suy nghĩ và tránh xấu hổ”. Điều này gợi ý rằng môi trường lớp học đảo ngược nên xem xét những yếu tố này để khuyến khích sự tham gia của sinh viên.

2.3.2. Vai trò của việc chuẩn bị bài học trực tuyến trong việc định hình sự tham gia của sinh viên

Chuẩn bị bài học trực tuyến là một phần quan trọng trong mô hình lớp học đảo ngược, giảng viên yêu cầu sinh viên tương tác với tài liệu học trước khi lên lớp. Công việc chuẩn bị này có thể nâng cao sự tự tin và khuyến khích sự tham gia tích cực hơn trong các hoạt động trên lớp. Tuy nhiên, hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc vào động lực và kỉ luật của sinh viên trong việc hoàn thành các nhiệm vụ trước buổi học. Zhou và các cộng sự [16] nhấn mạnh rằng “việc ở trong một môi trường yêu cầu thực hiện trước bạn bè một cách thường xuyên có thể cản trở các hành vi tham gia và thành tích trên lớp”.

Tóm lại, sự tham gia của sinh viên, bao gồm sự tham gia thầm lặng và những thách thức do lo lắng về ngôn ngữ và các yếu tố văn hoá gây ra, là rất quan trọng trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN. Việc triển khai các mô hình như lớp học đảo ngược có thể mang lại cơ hội để tăng cường sự tham gia, nhưng các giáo viên cần phải chú ý đến những yếu tố đa dạng ảnh hưởng đến sự tham gia của sinh viên.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp cả dữ liệu định lượng và định tính để cung cấp cái nhìn toàn diện về sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN tại Trường ĐHCNHN. Sự kết hợp của các phương pháp này giúp tác giả khám phá sâu hơn những xu hướng có thể đo lường và những trải nghiệm chủ quan. Phần định lượng bao gồm khảo sát đánh giá mức độ tham gia của sinh viên, những rào cản mà họ cảm nhận và thái độ của họ đối với sự tham gia trong lớp học. Phần định tính bao gồm quan sát lớp học và thảo luận nhóm, cung cấp cái nhìn về lí do đằng sau hành vi im lặng của sinh viên và nhận thức của họ về sự tham gia. Phương pháp kết hợp nâng cao độ tin cậy và tính hợp lí của các phát hiện, đảm bảo phân tích cân bằng về hiện tượng này.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 150 sinh viên đang học các lớp tiếng Anh ĐHNN theo mô hình lớp học đảo ngược tại Trường ĐHCNHN từ các ngành kĩ thuật và kinh tế khác nhau. Việc lựa chọn mẫu có chủ đích được sử dụng để đảm bảo sự đại diện đa dạng của sinh viên từ các lĩnh vực khác nhau, giúp tác giả hiểu rõ hơn về các mô hình tham gia.

3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Để hiểu biết sâu sắc về sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN, dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau:

Khảo sát: Bảng khảo sát được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng từ sinh viên về mức độ tham gia, rào cản mà họ cảm nhận đối với việc nói và vai trò của lớp học đảo ngược trong việc định hình sự tham gia của sinh viên. Bảng khảo sát sử dụng câu hỏi theo thang đo Likert để đo lường thái độ và hành vi tự báo cáo.

Quan sát lớp học: Thực hiện quan sát trực tiếp các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN để xem xét hành vi của sinh viên, các mẫu tương tác và sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên. Ghi chú quan sát tập trung vào những khoảnh khắc im lặng, tần suất tương tác và động lực tham gia.

Thảo luận nhóm: Các cuộc thảo luận nhóm nhỏ với những sinh viên được chọn cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về trải nghiệm của họ với sự im lặng trong lớp học. Những cuộc thảo luận này khám phá lí do cá nhân cho sự im lặng, cơ chế đối phó và nhận thức về sự tham gia.

3.4. Phân tích dữ liệu

Phân tích thống kê định lượng từ các phản hồi khảo sát: Dữ liệu khảo sát định lượng được phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả và suy diễn. Các chỉ số như điểm trung bình, độ lệch chuẩn và phân tích tương quan được áp dụng để xác định xu hướng tham gia của sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của họ. Phân mềm thống kê được sử dụng để đảm bảo độ chính xác trong việc diễn giải dữ liệu [3].

Phân tích chủ đề của dữ liệu định tính: Dữ liệu định tính từ quan sát lớp học và thảo luận nhóm được phân tích bằng cách tiếp cận chủ đề. Các chủ đề nổi bật liên quan đến sự im lặng của sinh viên, lo lắng về ngôn ngữ và sự tham gia trong lớp học được xác định để hiểu các yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến sự tham gia.

Cách tiếp cận phương pháp này đảm bảo rằng cả xu hướng định lượng và những hiểu biết định tính đều được xem xét, cung cấp một cái nhìn toàn diện về sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN tại Trường ĐHCNHN.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy ba yếu tố chính góp phần vào sự im lặng của sinh viên gồm lo lắng và thiếu tự tin, sở thích giao tiếp bằng văn bản hơn là bằng lời nói và sự phụ thuộc quá mức vào tài nguyên học tập trực tuyến. Ngoài ra, các hoạt động tham gia thầm lặng và các chiến lược thúc đẩy sự tham gia tích cực cũng được phân tích.

4.1. Các yếu tố góp phần vào sự im lặng của sinh viên

Kết quả khảo sát đã cho thấy những lí do chính khiến sinh viên giữ im lặng trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN. Bảng 1 trình bày điểm trung bình và độ lệch chuẩn cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến sự im lặng của sinh viên.

Bảng 1. Các yếu tố góp phần vào xu hướng giữ im lặng của sinh viên trong lớp học nói tiếng Anh

| Biến số | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|------------------------|----------------------|
| Nhu cầu có thêm thời gian để suy nghĩ | 3,55 | 1,108 |
| Sự thiếu năng lực về ngôn ngữ thứ hai | 3,51 | 1,149 |
| Sự nhút nhát | 3,11 | 1,167 |
| Sợ thất bại | 3,08 | 1,227 |
| Không được giáo viên công nhận | 2,51 | 1,162 |
| Không có bạn bè giơ tay phát biểu | 2,50 | 1,023 |
| Không được giáo viên gọi phát biểu | 2,42 | 1,049 |
| Phản hồi tiêu cực từ bạn bè | 2,41 | 1,152 |
| Phản ứng tiêu cực của bạn bè đối với phát âm kém | 2,40 | 1,191 |
| Phản hồi tiêu cực từ giáo viên | 2,33 | 1,183 |

Kết quả khảo sát trong Bảng 1 cho thấy điểm trung bình cao nhất (3,55) tương ứng với nhu cầu có thêm thời gian suy nghĩ, sinh viên do dự khi nói vì họ cần thêm thời gian để xử lý câu trả lời trong đầu trước khi diễn đạt bằng lời. Điều này phù hợp với lý thuyết truyền tải nhận thức, cho rằng những người học ngôn ngữ thường cần thêm thời gian để kiến tạo ý tưởng của họ trước khi nói một cách lưu loát.

Một yếu tố chính khác là thiếu năng lực ngôn ngữ thứ hai (3,51), phản ánh những hạn chế tự nhận thức của SV về từ vựng, ngữ pháp và phát âm. Nhiều sinh viên cảm thấy khả năng tiếng Anh của họ chưa đủ để nói một cách tự nhiên, dẫn đến việc họ giữ im lặng để tránh mắc lỗi. Phát hiện này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Gangavarapu và cộng sự [4], Zhou và cộng sự [16], họ đã chỉ ra rằng năng lực ngôn ngữ ảnh hưởng đáng kể đến sự tự tin khi nói.

Sự nhút nhát (3,11) và sợ thất bại (3,08) cũng góp phần vào sự im lặng, chỉ ra rằng các rào cản tâm lý đóng vai trò quan trọng. Những sinh viên thiếu tự tin vào khả năng nói của mình có thể tránh tham gia do sợ bị đánh giá tiêu cực từ bạn bè hoặc giáo viên. Điều thú vị là các yếu tố bên ngoài lớp học như sự công nhận của giáo viên (2,51), sự khuyến khích từ bạn bè (2,50) và phản hồi của giáo viên (2,33) có điểm trung bình thấp hơn, phản ánh rằng các yếu tố nội tâm như nhận thức về bản thân và sự lo lắng có ảnh hưởng đến sự im lặng của sinh viên nhiều hơn so với các yếu tố bên ngoài trong lớp học.

Các cuộc thảo luận nhóm và quan sát lớp học cung cấp những hiểu biết sâu sắc hơn về lý do tại sao sinh viên giữ im lặng. Nhiều sinh viên cảm thấy không tự tin về cách phát âm của mình và lo lắng về việc mắc lỗi. Một sinh viên đã chia sẻ: *“Tôi sợ rằng các bạn trong lớp sẽ cười khi nghe giọng nói của tôi, vì vậy tôi thích giữ im lặng và lắng nghe hơn”*. Nhận xét này cho thấy rằng lo lắng về mặt xã hội và sự nhận thức từ bạn bè ảnh hưởng đáng kể đến sự tham gia bằng lời nói. Theo Giả thuyết Bộ lọc cảm xúc của Krashen [10], khi sinh viên cảm giác lo lắng và xấu hổ, khả năng tiếp thu và sản sinh ngôn ngữ của họ bị cản trở. Do đó, giáo viên cần tạo ra một môi trường học tập ít căng thẳng để giảm thiểu bộ lọc cảm xúc và khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn.

Một sinh viên khác chia sẻ: *“Đôi khi, tôi hiểu những gì giáo viên đang hỏi, nhưng tôi cần thêm thời gian để nghĩ ra câu trả lời bằng tiếng Anh. Đến khi tôi sẵn sàng thì giáo viên đã chuyển sang nội dung khác”*. Điều này phù hợp với ‘giả thuyết đầu ra’ của Swain [14], nhấn mạnh rằng người học ngôn ngữ cần thời gian để xử lý thông tin trước khi sản sinh ra ngôn ngữ. Tính chất nhanh chóng của các cuộc thảo luận trên lớp có thể khiến những sinh viên xử lý chậm hơn và không kịp tham gia. Giáo viên nên cân nhắc việc cho thêm thời gian để khuyến khích nhiều sinh viên tham gia nhiều hơn.

Một số sinh viên cũng cho biết rằng họ cảm thấy thoải mái hơn khi nói trong các nhóm nhỏ thay vì trước cả lớp. Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bahar và cộng sự [1], người đã phát hiện ra rằng sinh viên có xu hướng hoạt động bằng lời nói nhiều hơn trong những môi trường ít áp lực, nơi họ cảm thấy an toàn hơn để thử nghiệm ngôn ngữ.

4.2. Hoạt động tham gia thầm lặng

Mặc dù im lặng nhưng sinh viên vẫn tham gia vào các quá trình nhận thức khác nhau trong lớp học. Bảng 2 trình bày dữ liệu khảo sát về các hoạt động tham gia thầm lặng của sinh viên.

Bảng 2. Các hoạt động diễn ra khi sinh viên giữ im lặng

| Biến số | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|-------------------------------|-----------------|---------------|
| Biến ý tưởng thành lời | 3,92 | 0,721 |
| Dịch nghĩa | 3,79 | 0,811 |
| Tìm kiếm thông tin trực tuyến | 3,77 | 0,879 |
| Luyện thầm trong đầu | 3,75 | 0,928 |
| Thảo luận với bạn cùng nhóm | 3,74 | 0,835 |
| Tự nói một mình | 3,64 | 0,901 |
| Ghi chép câu trả lời | 3,61 | 0,913 |

Bảng 2 cho thấy hoạt động tham gia trầm lặng được đánh giá cao nhất là việc biến ý tưởng thành lời (3,92), chứng tỏ sinh viên đang tích cực hình thành câu trả lời trong đầu trước khi nói. Điều này gợi ý rằng sự im lặng không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với việc không tham gia mà có thể là một chiến lược giúp sinh viên sắp xếp suy nghĩ một cách có tổ chức.

Dịch nghĩa (3,79) và tìm kiếm thông tin trực tuyến (3,77) cho thấy sinh viên sử dụng các nguồn tài nguyên bên ngoài để hỗ trợ việc hiểu bài và chuẩn bị nói. Sự phụ thuộc vào tìm kiếm thông tin trực tuyến phản ánh ảnh hưởng của mô hình lớp học đảo ngược, nơi sinh viên đã quen với việc sử dụng tài liệu trực tuyến trước khi lên lớp.

Luyện nói trầm trong đầu (3,75) và thảo luận với bạn cùng nhóm (3,74) chỉ ra rằng sinh viên trả lời câu hỏi của họ một cách trầm lặng hoặc trong các nhóm nhỏ trước khi trình bày trước lớp. Điều này cũng có ý kiến rằng sinh viên có thể tham gia một cách gián tiếp trước khi cảm thấy đủ tự tin để nói công khai.

Các hoạt động xếp hạng thấp hơn, chẳng hạn như tự nói một mình (3,64) và ghi chép câu trả lời (3,61), cho thấy một số sinh viên thích giao tiếp bằng văn bản hơn là diễn đạt bằng lời. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Dao và cộng sự [2] cho thấy sinh viên thường sử dụng viết như một bước đệm để giao tiếp bằng lời trong môi trường học ngôn ngữ thứ hai.

Trong quá trình quan sát, chúng tôi nhận thấy nhiều SV thì trầm câu trả lời với chính mình trước khi nói. Một sinh viên giải thích: “*Tôi thường luyện tập câu trả lời trong đầu trước khi nói ra thành tiếng. Điều này giúp tôi cảm thấy tự tin hơn*”. Ý kiến này phù hợp với nghiên cứu của Harumi, S. [5] về ngôn ngữ tự nói (private speech), cho thấy rằng việc tự diễn đạt bằng lời giúp người học tiếp thu các cấu trúc ngôn ngữ mới trước khi sử dụng chúng trong giao tiếp. Giáo viên có thể khuyến khích việc luyện tập trầm lặng bằng cách tạo ra các cơ hội nói ít áp lực hơn. Một sinh viên khác chia sẻ: “*Đôi khi, tôi thích viết câu trả lời ra trước khi nói. Điều này giúp tôi kiểm tra ngữ pháp và từ vựng của mình*”. Điều này cho thấy sinh viên sử dụng việc viết như một bước chuẩn bị cho việc nói. Quan điểm này cũng giống với kết quả nghiên cứu của Dao và cộng sự [2], cho rằng việc viết có thể hỗ trợ kỹ năng nói bằng cách củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp.

4.3. Chiến lược khuyến khích sự tham gia tích cực

Kết quả khảo sát xác định các yếu tố chính khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn vào các hoạt động nói. Bảng 3 trình bày các yếu tố thúc đẩy sự tham gia bằng lời nói.

Bảng 3. Các yếu tố thúc đẩy sinh viên sản sinh ngôn ngữ đầu ra bằng lời nói

| Biến số | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|----------------------------|------------------------|----------------------|
| Phần thưởng | 4,26 | 0,844 |
| Sự xác nhận của giáo viên | 4,17 | 0,892 |
| Sử dụng tiếng mẹ đẻ | 4,07 | 0,867 |
| Không có phản hồi tiêu cực | 3,98 | 0,933 |
| Sự công nhận của giáo viên | 3,98 | 0,824 |
| Sự tự tin | 3,81 | 0,942 |
| Bạn bè giơ tay phát biểu | 3,80 | 0,969 |
| Sự khuyến khích từ bạn bè | 3,71 | 0,985 |
| Sự ngưỡng mộ từ bạn bè | 3,53 | 0,920 |

Kết quả khảo sát trong Bảng 3 cho thấy yếu tố thúc đẩy cao nhất cho sự tham gia bằng lời nói là nhận được phần thưởng (4,26), thể hiện sinh viên phản ứng tích cực với động lực bên ngoài. Điều này gợi ý rằng việc áp dụng phần thưởng như cho điểm tham gia hoặc các ưu tiên nhỏ có thể khuyến khích nhiều sinh viên tham gia vào các hoạt động nói.

Sự xác nhận từ của giáo viên (4,17) và việc sử dụng tiếng mẹ đẻ (4,07) cũng ở hạng cao, cho thấy rằng sinh viên cảm thấy tự tin hơn khi nói nếu nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên hoặc được phép sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lí. Phát hiện này cũng khẳng định kết quả của nghiên cứu nhân mạnh lợi ích của việc sử dụng chiến lược tiếng mẹ đẻ trong các lớp học ngôn ngữ thứ hai để tạo sự tự tin cho người học.

Đáng chú ý, sự công nhận từ giáo viên (3,98) và sự khuyến khích từ bạn bè (3,71) cho thấy rằng sự củng cố xã hội từ cả giáo viên và bạn học đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia giao tiếp bằng lời. Tuy nhiên, điểm số tương đối thấp của sự ngưỡng mộ từ bạn bè (3,53) cho thấy rằng trong khi SV đánh giá cao phản hồi tích cực từ bạn bè, nó ít ảnh hưởng hơn so với sự xác nhận từ giáo viên hoặc phần thưởng bên ngoài.

Quan sát trong lớp học cho thấy sinh viên sẵn sàng nói hơn khi môi trường học tập ít áp lực. Một sinh viên đã đưa ý kiến: *“Tôi cảm thấy thoải mái hơn khi trả lời câu hỏi và được giáo viên công nhận nỗ lực của tôi thay vì chỉ tập trung vào những lỗi sai của tôi”*. Điều này phù hợp với ‘giả thuyết bộ lọc cảm xúc’ của Krashen [10], cho rằng việc giảm lo lắng sẽ tăng cường khả năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Giáo viên có thể áp dụng chiến lược này bằng cách sử dụng phản hồi mang tính xây dựng thay vì sửa lỗi ngay lập tức.

Dữ liệu quan sát còn cho thấy sinh viên tham gia tích cực hơn trong các nhóm nhỏ vì họ cảm thấy ít áp lực. Một người tham gia chia sẻ: *“Tôi cảm thấy thoải mái hơn khi nói trong các nhóm nhỏ vì tôi không bị mắc lỗi trước cả lớp”*. Điều này phù hợp với dữ liệu khảo sát cho thấy sự tham gia của bạn bè (3.80) đóng vai trò trong việc tăng cường sự tham gia bằng lời nói. Vì vậy, giáo viên có thể kết hợp các thảo luận trong các nhóm nhỏ giữa các sinh viên trước khi yêu cầu sinh viên chia sẻ trước lớp.

Quan sát lớp học ghi nhận rằng sinh viên phản hồi tích cực hơn khi giáo viên đưa ra lời khen hoặc ghi nhận sự cố gắng của họ. Một sinh viên đã nhận xét: *“Chỉ cần một lời khen của giáo viên cũng giúp tôi tự tin hơn”*. Ngoài ra, bảng xếp hạng của các trò chơi được giáo viên tổ chức trên lớp hoặc phần thưởng cụ thể có thể mang lại lợi ích trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN. Phát hiện này cũng phù hợp với dữ liệu khảo sát, trong đó phần thưởng và sự công nhận từ giáo viên là hai yếu tố thúc đẩy hàng đầu đối với sự tham gia bằng lời nói.

Bên cạnh đó, các quan sát và phản hồi từ SV cho thấy thời gian chuẩn bị giúp họ giảm lo lắng. Một sinh viên đã giải thích: *“Tôi cần thời gian để ghi lại suy nghĩ của mình trước khi nói, nếu không tôi sẽ quá lo lắng”*. Điều này củng cố thêm ‘giả thuyết đầu ra’ [14], cho rằng người học ngôn ngữ cần đủ thời gian xử lý trước khi sản sinh ra ngôn ngữ. Giáo viên có thể tích hợp các hoạt động chuẩn bị trước khi nói như: viết gợi ý trước khi thảo luận, tập luyện im lặng hoặc thực hành trong tâm trí và các bảng câu hỏi hướng dẫn để định hướng tư duy cho sinh viên.

Tóm lại, bằng cách kết hợp cả phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu này cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về lí do sinh viên im lặng trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN. Kết quả cho thấy sự im lặng của sinh viên không nhất thiết là dấu hiệu của sự không tham gia mà thực chất là một quá trình nhận thức phức tạp bị ảnh hưởng bởi lo lắng, sự tự tin và cấu trúc lớp học. Việc công nhận sự tham gia thầm lặng như một hình thức tham gia hợp lệ có thể giúp giáo viên thiết kế các chiến lược giảng dạy hiệu quả hơn nhằm khuyến khích giao tiếp bằng lời nói trong khi vẫn tôn trọng phong cách học tập cá nhân của sinh viên.

5. Một số chiến lược giảng dạy nhằm thúc đẩy sự tham gia của sinh viên

Việc tạo ra một lớp học hoà nhập đòi hỏi các chiến lược phù hợp với nhiều phong cách học tập và mức độ tự tin khác nhau. Dựa trên các kết quả nghiên cứu từ khảo sát, quan sát lớp học và thảo luận nhóm, tác giả đề xuất một số chiến lược sau nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của sinh viên:

Kết hợp các hình thức tham gia dựa trên phần thưởng:

Giáo viên nên áp dụng các hệ thống phần thưởng có cấu trúc, chẳng hạn như điểm tham gia, xếp hạng trong các trò chơi trên lớp hoặc các ưu đãi trong lớp học, khuyến khích sự tham gia. Mặc dù động lực bên ngoài có thể hiệu quả, nhưng cần phải được cân bằng để đảm bảo sinh viên phát triển sự tự tin nội tại khi giao tiếp bằng lời nói. Việc công nhận nỗ lực liên tục thay vì chỉ chú trọng vào tần suất tham gia giúp duy trì tính hoà nhập.

Sử dụng sự khích lệ và xác nhận của giáo viên:

Sự xác nhận của giáo viên, bao gồm lời khen ngợi, gật đầu và phản hồi mang tính xây dựng, nâng cao sự tự tin của sinh viên. Khi sinh viên cảm thấy được trân trọng, họ sẽ có xu hướng tham gia

tích cực hơn. Sự khích lệ cá nhân hoá, chẳng hạn như công nhận sự tiến bộ, tạo ra một môi trường hỗ trợ và giảm bớt nỗi sợ bị đánh giá.

Tổ chức thảo luận nhóm nhỏ:

Nhiều sinh viên, đặc biệt là những người hướng nội hoặc sinh viên học tiếng Anh, cảm thấy lo lắng khi nói trước các nhóm lớn. Các cuộc thảo luận nhóm nhỏ tạo ra một môi trường ít áp lực hơn giúp sinh viên hoàn thiện ý tưởng trước khi thực hiện nói trước cả lớp. Phương pháp hỗ trợ này giúp tăng cường sự tự tin và thúc đẩy việc học sâu hơn.

Cung cấp thời gian chuẩn bị:

Việc tham gia không có sự chuẩn bị trước có thể gây lo lắng cho sinh viên. Cho phép sinh viên thời gian để suy nghĩ trước khi nói giúp sinh viên giảm tải nhận thức và tăng cường sự sẵn sàng tham gia. Các kỹ thuật như suy nghĩ - bắt cặp - chia sẻ hoặc sử dụng câu hỏi gợi ý bằng văn bản giúp sinh viên cảm thấy tự tin và tham gia một cách tích cực.

Tạo môi trường lớp học hỗ trợ và không phán xét:

Nỗi sợ mắc lỗi thường ngăn cản sinh viên tham gia. Giáo viên nên coi việc mắc lỗi là một phần tự nhiên của quá trình học tập bằng cách thể hiện việc sửa lỗi tích cực và khuyến khích các cuộc thảo luận tôn trọng. Thiết lập các quy tắc thảo luận, chẳng hạn như lắng nghe tích cực và phản hồi mang tính xây dựng, giúp tạo ra một môi trường an toàn và khuyến khích sinh viên tham gia.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra những yếu tố góp phần vào sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN tại Trường ĐHCNHN, sử dụng cả dữ liệu định lượng và định tính. Kết quả cho thấy sự im lặng của sinh viên chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các vấn đề lo lắng và thiếu tự tin, sở thích giao tiếp bằng văn bản hơn là diễn đạt bằng lời, và sự phụ thuộc quá mức vào các tài nguyên học tập trực tuyến. Sự im lặng thường được nhìn nhận tiêu cực trong các lớp học truyền thống, nghiên cứu này nhấn mạnh rằng sinh viên thực hiện nhiều quá trình nhận thức khác nhau, chẳng hạn như luyện thầm trong đầu, dịch nghĩa và quan sát, trước khi phát biểu. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các chiến lược như thảo luận nhóm nhỏ, sự động viên từ giáo viên và việc hỗ trợ từng bước trong các nhiệm vụ nói, có thể thúc đẩy sinh viên tham gia bằng lời nói tích cực hơn.

Nhận thức việc tham gia trầm lặng như một hình thức tham gia hợp lệ là điều cần thiết để cải thiện việc giảng dạy nói trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN. Nhiều sinh viên xử lý ngôn ngữ trong suy nghĩ trước khi diễn đạt thành lời. Do đó, sự im lặng không nhất thiết đồng nghĩa với việc không tham gia. Giáo viên nên công nhận điều này và áp dụng các chiến lược giảng dạy hỗ trợ sự tham gia trầm lặng bên cạnh sự tham gia bằng lời nói. Sự thay đổi trong quan điểm này có thể giúp tạo ra một môi trường học tập hoà nhập hơn, nơi sinh viên cảm thấy thoải mái tham gia theo cách phù hợp với phong cách học tập của họ.

Để hỗ trợ các phong cách tham gia khác nhau, giáo viên nên áp dụng các chiến lược thực tiễn khuyến khích việc nói trong khi tôn trọng quá trình nhận thức của sinh viên. Việc cho phép thêm thời gian suy nghĩ trước khi yêu cầu phản hồi bằng lời nói có thể giúp giảm lo lắng, trong khi khuyến khích chuẩn bị bằng văn bản trước khi nói giúp sinh viên kiến tạo ý tưởng của mình hiệu quả hơn. Các cuộc thảo luận nhóm nhỏ có thể tạo ra một môi trường ít áp lực hơn để sinh viên luyện tập nói, và sự khích lệ tích cực từ giáo viên có thể giúp tạo nên sự tự tin. Ngoài ra, việc tích hợp các công cụ kỹ thuật số, chẳng hạn như bảng thảo luận trực tuyến và bài tập ghi âm giọng nói, có thể cung cấp những cách thức tham gia thay thế giúp sinh viên dần dần chuyển sang giao tiếp bằng lời nói trong lớp học.

Các nghiên cứu khác trong tương lai cần nghiên cứu dài hạn về tác động của lớp học đảo ngược đối với sự tham gia nói để đánh giá xem việc tiếp xúc liên tục với mô hình học này có giúp sinh viên xây dựng sự tự tin hơn trong giao tiếp hay không. Ngoài ra, các nghiên cứu này nên điều tra xem sự tham gia trầm lặng có dần chuyển sang sự tham gia bằng lời nói tích cực hơn khi sinh viên quen với phương pháp lớp học đảo ngược hay không. Việc xem xét các tác động lâu dài của việc học đảo

ngược đối với việc tiếp thu ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp sẽ cung cấp những hiểu biết quý giá cho các nhà thiết kế chương trình giảng dạy và giáo viên ngôn ngữ.

Sự im lặng của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh theo ĐHNN là một vấn đề phức tạp đòi hỏi một cách tiếp cận tinh tế đối với sự tham gia trong lớp học. Thay vì xem sự im lặng là thiếu sự tham gia, các giáo viên nên công nhận vai trò của nó trong quá trình xử lý nhận thức và phát triển ngôn ngữ. Bằng cách áp dụng các chiến lược giảng dạy toàn diện như công nhận các phong cách tham gia khác nhau và tiến hành nghiên cứu thêm, các giáo viên giảng dạy tiếng Anh theo ĐHNN có thể tạo ra môi trường học tập hiệu quả và hỗ trợ hơn. Khuyến khích cả sự tham gia thầm lặng và bằng lời nói không chỉ cải thiện mức độ tham gia của sinh viên mà còn nâng cao kết quả học tập ngôn ngữ tổng thể trong các khoá học tiếng Anh theo ĐHNN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bahar, O., Purwati and Setiawan, S. *Exploring teacher power use and student silence in an EFL classroom: Evidence from Indonesia*. Pegem Journal of Education and Instruction, 12(2), 157-165. <https://doi.org/10.47750/pegegog.12.02.16>. 2022.
2. Dao, P., Nguyen, M., & Iwashita, N. *Teachers' perceptions of learner engagement in L2 classroom task-based interaction*. The Language Learning Journal, 49(6), 711-724. <https://doi.org/10.1080/09571736.2019.1666908>, 2021.
3. Field, A. *Discovering statistics using IBM SPSS statistics* (5th ed.). SAGE Publications. 2022.
4. Gangavarapu, S. L., Mutyala, U., & Chada, R. R. *Investigating Indian ESL learners' silent behaviour in response to oral tasks in online and offline classes*. Journal of Silence Studies in Education, 1(2), 46-56. <https://doi.org/10.31763/jsse.v1i2.24>. 2022.
5. Harumi, S. *Approaches to interacting with classroom silence: The role of teacher talk*. In J. King & S. Harumi (Eds.), *East Asian perspectives on silence in English language education* (pp. 37-59). Multilingual Matters. <https://doi.org/10.21832/9781788926775-008>. 2020.
6. Hongboontri, C., Wittaya, I., & Boonyaparakob, K. *Silence in an EFL classroom: The interplay of Schwab's four commonplaces*. Suranaree Journal of Social Science, 15(1), 128-146. 2021.
7. Hu, J. *Toward the role of EFL/ESL students' silence as a facilitative element in their success*. Frontiers in Psychology, 12, 737123. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.737123>. 2021.
8. Huynh, H.-H., & Adams, M. *Vietnamese teacher educators' perceptions of silence during online English as a foreign language classes*. Journal of Silence Studies in Education, 1(2), 57-69. <https://doi.org/10.31763/jsse.v1i2.10>. 2022.
9. Kandilla, D. P., Dewi, N. S. N., & Pujasari, R. S. *Teacher's perception of students' silence in EFL classroom: A case study*. Teaching & Learning English in Multicultural Contexts (TLEMC), 5(1), 20-34. <http://jurnal.unsil.ac.id/index.php/tlemc/index>. 2021.
10. Krashen, S. D. *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press. 1982.
11. Maher, K., & King, J. *Observing anxiety in the foreign language classroom: Student silence and nonverbal cues*. Journal for the Psychology of Language Learning, 2(1), 116-141. <https://doi.org/10.52598/jpll/2/1/6>, 2020.
12. Nurrohmah, Z. Q. A., & Waloyo, A. A. *The correlation between silence phenomenon and EFL student online class*. English Learning Innovation, 2(2), 62-74. <https://doi.org/10.22219/englie.v2i2.17736>. 2021.
13. Perkasa, A. B., Savitri, D., & Yogyantoro, Y. *Anxiety-related silence in speaking among Indonesian EFL junior high school students*. Ahmad Dahlan Journal of English Studies, 9(2), 47-63. <https://doi.org/10.26555/adjes.v9i2.145>. 2022.
14. Swain, M. *The output hypothesis: Theory and research*. In E. Hinkel (Ed.), *Handbook of research in second language teaching and learning* (pp. 471-483). Lawrence Erlbaum Associates. 2005.
15. Zafarina, N. F. *Silent learners' voices: Exploring the silence behavior in Indonesian EFL classroom*. Journal of English Language Teaching and Linguistics, 7(2), 349-363. <https://doi.org/10.21462/jeltl.v7i2.846>. 2022.
16. Zhou, G., Yu, Z., Rideout, G., & Smith, C. *Why don't they participate in class? A study of Chinese students' classroom participation in International Master of Education Program*. In *Multidisciplinary perspectives on international student experience in Canadian higher education* (pp. 81-101). IGI Global. <https://doi.org/10.4018/978-1-7998-5030-4.ch005>. 2020.